

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NHẬN DIỆN TỤC NGỮ

NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG

(Hội Ngôn ngữ học Tp Hồ Chí Minh)

Theo nhiều công trình biên khảo có uy tín¹, mỗi đơn vị tục ngữ [TN] dù ngắn đến đâu cũng phải là một câu. Bởi thế, chúng ta chẳng có lí do chính đáng nào để khước từ việc lấy đặc trưng ấy làm chỗ dựa chính cho việc nhận diện TN. Và một khi đã chấp nhận sự thể theo quan điểm vừa nói thì phần việc nên làm tiếp theo chắc hẳn chỉ còn là phải duyệt lại xem những biểu thức ngôn từ nào do dân gian sáng tác ra chưa phải là câu để loại bớt khỏi kho TN của chúng ta².

¹ Chẳng hạn, như:

– *Việt Nam văn học sử yếu*: (Tục ngữ là) “một câu tự nó phải có một ý nghĩa đầy đủ, hoặc khuyên răn, hoặc chỉ bảo điều gì” (Dương Quảng Hàm 1943 [1951]: 15) (dẫn theo Triều Nguyễn 2006: 19);

– *Tục ngữ – ca dao – dân ca Việt Nam*: [Tục ngữ là] “một câu tự nó diễn trọn vẹn một ý, một nhận xét, một kinh nghiệm, một luân lí, một công lí, có khi là một sự phê phán. [...] tục ngữ dù ngắn đến đâu cũng phải là một câu hoàn chỉnh” (Vũ Ngọc Phan 1956 [1978]: 36-37) (dẫn theo Triều Nguyễn 2006: 19);

– *Từ điển tiếng Việt*: (Tục ngữ là những) “câu ngắn gọn, thường có vần điệu, đúc kết những tri thức, kinh nghiệm sống và đạo đức thực tiễn của nhân dân” (Hoàng Phê cùng các cộng sự 1988 [2005]: 1062).

² Khi loại bớt các biểu thức ngôn từ do dân gian sáng tác ra chưa thành câu, chúng ta cũng cần loại luôn cả những biểu thức đã thành câu nhưng được ghi lại dưới dạng thơ lục bát, như:

Lúa mùa thì cấy cho sâu / Lúa chiêm thì gặt cảnh dâu là vừa

Thế gian đại lắm, chưa khôn / Sống mặc áo rách, chết chôn áo lành

Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà / Trong ba việc ấy thật là khó thay

Chồng cô, vợ cậu, chồng dì / Trong ba người ấy chết thì không tang

Ăn được ngủ được là tiên / Không ăn không ngủ là tiền bỏ đi

Trong suốt mấy năm qua, chúng tôi có thử tiến hành công việc ấy với trên dưới mười sáu nghìn đơn vị được các tác giả *Kho tàng tục ngữ người Việt*³ coi là TN và đã thu thập vào công trình này. Những kết quả thu được từ việc duyệt lại ấy còn giúp chúng tôi nhận rõ được hai điểm hệ trọng: (1) không vận dụng các thành quả đáng ngả mũ mà Cao Xuân Hạo đã gặt hái được trong việc khảo sát cấu trúc cú pháp của câu tiếng Việt⁴ e rất khó nhận diện được TN một cách mau lẹ và hiệu quả vì câu trong TN không lập thức theo mô hình *Chủ ngữ – Vị ngữ* (như sách vở ngữ pháp chính thống hiện truyền giảng trong nhà trường), mà lập thức theo mô hình *Đề ngữ – Thuyết ngữ* (hay gọi tắt là Đ – T), như Cao Xuân Hạo từng đề xuất và đã tạo được một tiếng vang nhất định cả trong giới nghiên cứu lẫn trong giới giảng viên không chỉ riêng tại TP. Hồ Chí Minh; (2) cấu trúc cú pháp của các kiểu câu trong TN hầu như chẳng khác gì bao nhiêu so với cấu trúc

hoặc lục bát biến thể, như:

Làm nhà cạnh đàng / Kẻ rằng dùng dằng, người rằng kéo co

Thâm đông, hồng tây, dựng may / Ai ơi ở lại ba ngày hãy đi

Rễ si đâm ra trắng xoá / Mưa to gió lớn hắt là tới nơi

vì mấy lẽ: (1) lục bát là thể thơ đặc trưng cho ca dao, chứ không phải cho TN; (2) thu nạp thêm cho TN một lượng khá đông đúc những đơn vị vốn được giới sưu tập ca dao đưa vào các công trình của chính họ (xin thử đối chiếu với *Kho tàng ca dao người Việt*) là quá chuộng số lượng mà coi nhẹ chất lượng và quá phung phí cả công sức lẫn thì giờ.

³ Xin x. Nguyễn Xuân Kính – Nguyễn Thuý Loan – Phan Lan Hương – Nguyễn Luân 1992.

⁴ Xin x. Cao Xuân Hạo 1991.

cú pháp của các kiểu câu mà chúng ta vẫn quen dùng trong lời ăn tiếng nói hằng ngày.

Tiếp theo, chúng tôi xin lần lượt kê ra từng kiểu câu đã gặp trong kho TN Việt nhằm giúp người đọc có thêm một nguồn tư liệu nữa để tham khảo.

1. Kiểu câu thứ nhất

Là kiểu câu có đầy đủ cả hai phần Đ và T trên cấu trúc bề mặt, chẳng hạn:

(1) *Gần mực thì đen; gần đèn thì sáng*⁵

(2) *Én bay thấp mưa ngập bờ ao; én bay cao mưa rào lại tạnh*

(3) *Vịt già; gà tơ*

(4) *Thứ nhất thật bò tái; thứ nhì gái đương tơ*

(5) *Anh thuận em hoà là nhà có phúc.*

Kiểu câu này chiếm tuyệt đại đa số trong kho TN (tới 95% trong tổng số!) và cũng là kiểu câu dễ nhận biết hơn hết thảy nhờ vào hai chỉ dấu hình thức: (a) *chỉ dấu về trình tự*: phần Đ của câu bao giờ cũng đặt ở trước và phần T bao giờ cũng đặt ở sau; và (b) *chỉ dấu về ranh giới*: biên giới giữa hai phần ấy bao giờ cũng được (/có thể được) phân định rõ bằng các “*tác tử phân giới*”, trong đó hay gặp hơn cả là THỈ⁶ và LÀ. Xin minh hoạ những điều vừa nói bằng dẫn chứng:

(6) *Người có chí thì nên; nhà có nền thì vững*

(7) *Ác tắm thì ráo; sáo tắm thì mưa*

(8) *Thâm đông thì mưa; thâm dưa thì khú; thâm nhũ thì chừa*

(9) *Thì hơi với giải thì thua*

(10) *Vàng [thì] gió; đỏ [thì] mưa*

(11) *Được mùa lúa [thì] ủa mùa cau; được mùa cau [thì] đau mùa lúa*

⁵ Để giản tiện, chúng tôi tạm coi mọi đơn vị tục ngữ được lập thức dưới dạng câu ghép như là câu đơn, bởi lẽ các vế câu hợp thành của nó bao giờ cũng là những vế có cấu trúc cú pháp như nhau và gắn kết với nhau bằng mối quan hệ đẳng lập.

⁶ Trong đó THỈ giữ vai trò hệ trọng hơn và thông dụng hơn LÀ (về điểm này, xin x. thêm Cao Xuân Hạo 1991: 232 và các tr. tiếp theo hoặc Nguyễn Đức Dương 2003: 173-205).

(12) *Giàu là họ; khó là người dung*

(13) *Gầy là thầy com*

(14) *Gió thổi là chổi trời*

(15) *Của rẻ là của ôi*

(16) *Công cấy [là] công bó; công làm cỏ [là] công ăn*

(17) *Con hơn cha [là] nhà có phúc*

(18) *Tiền ở trong nhà [là] tiền chừa; tiền ra khỏi cửa [là] tiền đẻ.*

Xét kĩ cấu trúc cú pháp của loạt câu vừa dẫn còn cho phép chúng ta nghĩ tới một phép thử vừa giản tiện, vừa hữu hiệu giúp nhận biết mau lẹ và thoả đáng các đơn vị TN: muốn biết một biểu thức ngôn từ nào đó do dân gian sáng tác ra có phải là TN hay không, chúng ta hãy thử thêm hoặc là tác tử THỈ, hoặc là tác tử LÀ vào những chỗ thích hợp rồi kiểm định xem biểu thức ấy có còn đúng ngữ pháp Việt nữa không và có còn giữ nguyên được nghĩa vốn có không. Nếu câu trả lời nhận được là “*có*” thì biểu thức ấy đích thị là TN; còn nếu là “*không*” thì tư cách TN của biểu thức ấy tự khắc sẽ bị bác bỏ.

Chẳng hạn, loạt biểu thức ngôn từ dưới đây:

(19) *Chó treo; mèo đậy*

(20) *Giàu điếc; sang đui*

(21) *Sống tét; chết giỗ*

(22) *Áo cứ trắng; làng cứ xã*

(23) *Ấn no; lo được*

(24) *Năng nhặt chặt bị*

(25) *Chiêm hơn chiêm sít; mùa ít mùa nở*

(26) *Già néo đứt dây*

(27) *Com sống com thảo; com nhào com hà tiện*

(28) *Mưa tháng ba hoa đất*

sở dĩ được mọi người công nhận là TN vì biểu thức nào sau khi thêm THỈ hoặc LÀ vào những chỗ thích hợp cũng đều đúng ngữ pháp Việt và cũng đều không thay đổi những nghĩa vốn có:

(19') *Chó [thì] treo; mèo [thì] đậy*

(20') *Giàu [thì] điếc; sang [thì] đui*

(21') *Sống [thì] tét; chết [thì] giỗ*

(22') *Áo [thì] cứ trắng; làng [thì] cứ xã*

(23') *Ấn [thì] no; lo [thì] được*

(24') Năng nhặt [thì] chặt bị

(25') (Thóc) chiêm (xay ra) [thì] (có thể lợi gạo) hơn (nhưng com thối lên hay bị) sít; (thóc) mùa (xay ra) [thì] tuy ít (lợi gạo bằng nhưng com thối lên lại) nỏ (hơn nhiều)

(26') Già néo [thì] đứt dây

(27') Com sống [là] com thảo; com nhão [là] com hà tiện

(28') Mưa tháng ba [là] hoa đất

Còn các biểu thức sau đây sở dĩ không được coi là TN do không “qua” được phép thử với THÌ và LÀ vì các biểu thức ấy đều trở nên sai ngữ pháp hoặc ngô nghê sau khi thêm THÌ / LÀ:

(29) * Móng mày [thì/là] hay hạt

(30) * Ăn ốc [thì/là] nói mò

(31) * Nước mắt [thì/là] lưng tròn

(32) * Lúng túng [thì/là] như thợ vụng mắt kim

(33) * Cá đối [thì/là] bằng đầu

5% số câu còn lại, theo tính toán sơ bộ của chúng tôi, sẽ được chia ra cho mấy kiểu câu sắp đề cập dưới đây.

2. Kiểu câu thứ hai

Kiểu này được Cao Xuân Hạo (1991: 284) gọi là câu “phạm lệ” vì câu chuyên “nói về những điều được coi là “phi thời gian”, vượt ra ngoài mọi cảnh huống, trong đó phần Đ ẩn mặc thường được hiểu là “phạm ở đời””; còn phần T thường được biểu thị bằng một ngữ vị từ với trung tâm là các vị từ tình thái “hãy”, “đừng” (“chớ”) hay “nên”, chẳng hạn:

(34) Bán anh em xa, mua láng giềng gần [Nên bán anh em xa đi để còn mua lấy ...]

(35) Giữ được người ở, không ai giữ được người đi [Lệ thường chỉ giữ được người muốn ở, chứ làm sao mà giữ nổi kẻ muốn (ra) đi]

(36) Đừng chồm mà có ngày chán móng

(37) Đừng tham một bát mà bỏ cả mâm

(38) Chớ vì ghen một miếng mà bỏ cả bữa ăn; chớ vì ngã một lần mà không dám bước.

Kiểu câu này vừa ít ỏi (chỉ chiếm khoảng 1,5% trong tổng số), vừa khó nhận diện (do không thể vận dụng phép thử với THÌ hoặc LÀ,

như đã có thể làm với kiểu câu thứ nhất). Tuy thế, dễ chịu khó xét kĩ từng đơn vị một thì với mấy chỉ dấu hình thức đã nêu ở đầu mục, chúng ta vẫn có thể hoàn thành được công việc mà chẳng hề gặp phải một trở ngại đáng kể nào. Xin dẫn thêm ra đây một số dẫn chứng nữa để minh họa cho những điều vừa nói:

(39) Bán gà ngày gió; bán chó ngày mưa [Chớ bán gà ...; chớ bán chó ...]

(40) Múa riu qua mắt thợ [Chớ múa riu ...]

(41) Ép dầu, ép mỡ, ai nỡ ép duyên [Lệ thường chỉ nên ép dầu,...; chứ đừng nên ép duyên ...]

(42) Chết sông, chết suối, ai chết đuối đọi đèn [Lệ thường chỉ thấy người ta chết đuối trong sông, trong suối, chứ đâu thấy ai chết đuối trong bát dầu vốn được dùng làm đèn]

(43) Bắt người bỏ giỏ, không ai bắt người cổ bé [Lệ thường người ta chỉ hay bắt lỗi kẻ bỏ cổ, chứ chẳng thấy ai bắt lỗi ...]

(44) Giúp lời, không ai giúp của; giúp đũa, không ai giúp com [Lệ thường chỉ thấy người ta giúp lời, chứ đâu thấy ai giúp của ...]

(45) Làm khi lành để dành khi đau [Nên làm khi khoẻ mạnh để còn có cái mà ăn khi ốm đau]

(46) Làm thầy nuôi vợ; làm thợ nuôi miệng [Nên làm thầy vì còn nuôi được vợ; chớ có làm thợ vì chỉ nuôi được miệng mà thôi]

(47) Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo

(48) Chớ dung kẻ gian; chớ oan người ngay

(49) Chớ thấy đồ mà ngỡ là chín

(50) Đừng tham ăn nhiều mà nuốt khó trôi

(51) Đừng khinh khó [= nghèo]; chớ cậy giàu.

3. Kiểu câu thứ ba

Là kiểu câu khuyết hẳn phần T, nên trên cấu trúc bề mặt chúng ta chỉ còn gặp có phần Đ. Phần Đ trong những câu kiểu này thường được biểu hiện dưới hai dạng có cấu trúc cú pháp khác nhau chút đỉnh:

(a) dạng do một ngữ danh từ / ngữ vị từ biểu thị, chẳng hạn:

(52) Chim; thu; nhụ; đế

- (53) *Ruồi vàng; bọ chó; gió Than Uyên*
 (54) *Lá rau muống; cuống rau giền*
 (55) *Cơm nhà; gà chợ*
 (56) *Đau đẻ; ngứa ghê; hờn ghen;*
 (b) dạng do một tiểu cú biểu thị, chẳng hạn:
 (57) *Cơm chín tới; cải ngồng non; gái một con; gà gại ỏ*
 (58) *Lợn (nhốt trong) chuồng chái; gái (thấp thoáng trước) cửa buồng*
 (59) *Gà lăm lưng; chó sừng đồ*
 (60) *Gà luộc lại; gái ngủ ngày*
 (61) *Gái thờ dài; trai nằm sắp*
 (62) *Làm không chúa (= chủ); mùa không trống*
 (63) *Lớn chuối hột; bé hạt tiêu*
 (64) *Gái thương chồng đương đông buổi chợ; trai thương vợ nắng quai chiều hôm*⁷
 (65) *Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống*
 (66) *Gái còn son không bằng tô don Vạn Tượng.*

Khác với kiểu câu thứ hai, kiểu này chiếm một tỉ lệ cao hơn chút đỉnh (vào khoảng hơn 3,5%) và cũng dễ nhận diện hơn chút đỉnh một khi chúng ta vừa tiến hành xác lập cấu trúc cú pháp, vừa tiến hành diễn giải ngữ nghĩa cùng lúc.

4. Kiểu câu thứ tư

Đây là kiểu câu ít gặp hơn hết thảy trong kho TN Việt vì cho tới hiện thời, chúng tôi chỉ mới dò tìm được vắn vắn vài ba câu mà thôi:

- (67) *Ráng mỡ gà, ai có nhà thì chống*
 (68) *Bạc tình Tuyên [Quang], ai có duyên thì được*
 (69) *Cơm hàng, cháo chợ, ai lỡ thì ăn*
 (70) *Chim trời, cá nước, ai được thì ăn.*

Cao Xuân Hạo gọi đây là câu *ngoại đề* (còn ba kiểu câu vừa mô tả là câu *nội đề*) vì bên cạnh phần *nội đề* (trong mấy câu vừa dẫn đều do “*ai*” diễn đạt), câu còn có một phần Đ nữa gọi là *ngoại đề* (phần được gạch chân trong dẫn chứng

vừa nêu). Phần này vốn không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu mà có thể dễ dàng tách ra thành một câu riêng, vì nó chỉ gắn bó với phần câu còn lại về mặt nghĩa (chứ chẳng phải về cú pháp!), chẳng hạn:

(70') *Chim trời, cá nước ấy mà (có phải của riêng ai đâu mà cứ muốn giữ lấy). (Bời thế) ai bắt được thì kẻ ấy được quyền ăn.*

Tỉ lệ quá ít ỏi của kiểu câu này có thể cho phép chúng ta mạnh dạn bỏ qua một khi chúng ta không quá duy mỹ: không coi trọng quá đáng tính toàn bích của bức tranh muốn phác hoạ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Quảng Hàm 1943 [1951], *Việt Nam văn học sử yếu*. Nha học chính Đông Pháp xuất bản.
2. Cao Xuân Hạo 1991 [2004], *Tiếng Việt. Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, bản in lần thứ hai. NXB Giáo dục.
3. Nguyễn Đức Dương 2003, *Tục ngữ: cấu trúc cú pháp*. Trong *Tìm về linh hồn tiếng Việt*. TP. HCM: Trẻ, 173-205.
4. Nguyễn Đức Dương 2007, *Người xưa muốn nhắn gửi gì qua câu tục ngữ “Gái thương chồng đương đông buổi chợ; trai thương vợ nắng quai chiều hôm”*. *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 8, tr. 42-44.
5. Nguyễn Xuân Kính – Nguyễn Thuý Loan – Phan Lan Hương – Nguyễn Luân 1992, *Kho tàng tục ngữ người Việt*, hai tập. Hà Nội: Văn hoá - Thông tin.
6. Nguyễn Xuân Kính – Phan Đăng Nhật – Phan Đăng Tài – Nguyễn Thuý Loan – Đặng Diệu Trang 1995, *Kho tàng ca dao người Việt*, bốn tập. Hà Nội: Văn hoá - Thông tin.
7. Triều Nguyên 2006, *Phân biệt thành ngữ và tục ngữ bằng mô hình cấu trúc*. *Ngôn ngữ*, số 5, năm 2006, tr. 19-32.
8. Vũ Ngọc Phan 1956 1978, *Tục ngữ – ca dao – dân ca Việt Nam*, bản in lần thứ 8. Hà Nội: Khoa học Xã hội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-11-2008)

⁷ Chi tiết hơn về câu TN này, xin x. Nguyễn Đức Dương 2007: 42-44.